

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ- ST

Ngày 12- 7 - 2024

*V/v: “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn với người mất tích ”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tống Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Chu Thế Tuấn

2. Bà Nguyễn Thị Vân Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huân- kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn tiến hành xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 50/2024/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2024 về việc “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với người mất tích ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/QĐXXST- HNGĐ ngày 17/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Dương Duy S, sinh năm 1991

Trú quán: Khu phố X, phường Đ, thị xã B, tỉnh T (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992

Nơi cư trú cuối cùng: Khu phố X, phường Đ, thị xã B, tỉnh T (Đã bị Tòa án tuyên bố mất tích).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2024 và bản tự khai nguyên đơn anh Dương Duy S trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý và do UBND xã Hà Lan, thị xã Bỉm Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2012. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị T có hành vi bạo lực, đối xử khiếm nhã với bố mẹ chồng. Khoảng tháng 12 năm 2012 chị T bỏ nhà đi, bất vô âm tín từ đó đến nay. Anh và gia đình đã tìm kiếm nhiều năm nhưng không có tin tức. Vì thế, năm 2022 anh đã làm đơn đề nghị Toà án tuyên bố chị T mất tích. Ngày 05/8/2022, tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 06/2022/QĐST-VDS, Toà án nhân dân thị xã Bỉm Sơn đã tuyên bố một người mất tích đối với chị Nguyễn Thị T.

Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn giải quyết cho anh được ly hôn với người mất tích là chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu tên là Dương Nhật L (nữ) sinh ngày 16/4/2012. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu chị T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh của ông Phạm Thanh H trưởng khu phố X trình bày: Anh Dương Duy S và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng hợp pháp, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã H(nay là phường Đ), thị xã B, tỉnh T. Trong quá trình sinh sống tại địa phương, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng chưa đến mức gay gắt, cũng chưa từng cãi vã to tiếng, làm mất trật tự trị an khu phố. Tuy nhiên, đến cuối năm 2012 chị T đã đi khỏi địa phương và từ đó không thấy trở về. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Dương Nhật L (nữ) sinh ngày 16/4/2012. Hiện nay cháu đang ở cùng bố và ông bà nội tại khu phố X, phường Đ, thị xã B, tỉnh T. Nay anh S làm đơn ly hôn với chị Nguyễn Thị T và yêu cầu giải quyết việc nuôi con khi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh chị và cháu Dương Nhật L.

Vì chị Nguyễn Thị T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Dương Duy S vắng mặt có lý do, chị Nguyễn Thị T Tòa án đã tuyên bố mất tích. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Dương Duy S và chị Nguyễn Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng: - Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, Điều 227, Điều 228, 271, 273, 277 và Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự;
- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84/ Luật hôn nhân gia đình;
- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Duy S

- Về hôn nhân: Xử cho anh Dương Duy Sinh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T
- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu Dương Nhật L (giới tính: nữ) sinh ngày 16/4/2012 cho anh Dương Duy Sinh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh S không yêu cầu.

- Về tài sản: Anh Dương Duy S không đề nghị Tòa án giải quyết nên đề nghị miễn xét.

* Về án phí: Đề nghị buộc anh Dương Duy S phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Dương Duy S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T. Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”; Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường Đ, thị xã B và Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn đã tuyên bố mất tích đối với chị Nguyễn Thị T. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về yêu cầu của anh Dương Duy S HĐXX thấy:

- **Về hôn nhân:** Anh S và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, phường Đ, thị xã B là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn gia đình. Nguyên nhân vì do khúc mắc giữa chị T và bố mẹ chồng nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Đến khoảng tháng 12 năm 2012 chị T bỏ đi mặc dù anh đã tìm kiếm khắp nơi nhưng không có tin tức. Vì thế đến năm 2022 anh đã làm đơn đề nghị Tòa án tuyên bố chị T mất tích. Ngày 05/8/2022 Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn đã ra Quyết định giải quyết việc dân sự số 06/2022/QĐST-VDS tuyên bố chị Nguyễn Thị T mất tích. Nay, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T. HĐXX xét thấy yêu cầu của anh S là hoàn toàn chính đáng, chị T đã bỏ nhà đi từ cuối năm năm 2012 đến nay không tin tức gì, thời gian vợ chồng xa nhau đã lâu, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, anh S yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T là phù hợp với tình trạng hôn nhân giữa hai bên và với quy định của pháp luật. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh S xử cho anh S được ly hôn với chị T là phù hợp.

- **Về con cái:** Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là Dương Nhật L (nữ) sinh ngày 16/4/2012. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu chị T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của anh S, HĐXX thấy: Chị T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích và hiện nay cháu Nhật L đang ở cùng anh và ông bà nội tại khu phố Xuân N, phường Đ, thị xã B. Cháu Nhật L có nguyện vọng xin được ở với bố. Vì vậy, cần giao cháu Dương Nhật L cho anh Dương Duy S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh S không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, hơn nữa chị T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Về tài sản: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[3] Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Dương Duy S phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, Điều 227, Điều 228, 271, 273, 277 và Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự;
- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84/ Luật hôn nhân gia đình;
- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Dương Duy S
- Về hôn nhân: Xử cho anh Dương Duy S được ly hôn với chị Nguyễn Thị T
- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu Dương Nhật L (giới tính: nữ) sinh ngày 16/4/2012 cho anh Dương Duy S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Anh Dương Duy S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Dương Duy S phải nộp 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh Sinh đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bim Sơn theo biên lai thu số: 0004540 ngày 15/5/2024. Như vậy, anh Dương Duy S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh Dương Duy S và chị Nguyễn Thị T. Anh S, chị Tý được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhân:

- VKSND thị xã Bim sơn;
- Dương sự;
- UBND phường Đông Sơn
(ĐK ngày 24/4/2012);
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- THA Dân sự thị xã Bim Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TỔNG THỊ HÀ

